

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số: 72/2025/DS-ST
Ngày: 25-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đức Bình
- Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2025/TLST – DS ngày 03 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2025/QĐXXST-DS ngày 21/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2025/QĐST-DS ngày 09/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Trụ sở: Số M, đường số N, phường V, quận X, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S: Bà Lê Thị Vân Nh, sinh năm 1988; Địa chỉ liên hệ: Số M1, đường số N1, thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B (Văn bản ủy quyền ngày 10/01/2025 và văn bản ủy quyền ngày 06/5/2025).

- Bị đơn: Ông Lương Minh C, sinh năm 1982; Nơi cư trú: đường T3, tổ V3, khu phố X3, thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1977; Nơi cư trú: đường T3, tổ V3, khu phố X3, thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B.

Bà Nh có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông C, bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị Vân Nh trình bày:

Ngày 27/10/2022, ông Lương Minh C, sinh năm 1982; Nơi cư trú: đường T3, tổ V3, khu phố X3, thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng (gọi tắt là Hợp đồng) với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh B, Phòng Giao dịch Đ1, hạn mức cấp thẻ 50.000.000 đồng.

Dư nợ tính đến ngày 22/4/2025 là 64.853.322 đồng, trong đó, tiền gốc 57.252.148 đồng, tiền lãi 7.601.184 đồng.

Căn cứ lịch trả nợ của hợp đồng ký kết giữa Ngân hàng và ông C thì ông phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh. Tuy nhiên, ông C đã không thực hiện trả nợ như cam kết, vì vậy, sau khi hết thời hạn của hợp đồng, khoản nợ chuyển sang quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ và làm việc trực tiếp nhưng ông C vẫn không trả nợ.

Nay, Ngân hàng yêu cầu ông Lương Minh C và bà Phạm Thị Mỹ H có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 22/4/2025 là 64.853.322 đồng, gồm: Tiền gốc 57.252.148 đồng, tiền lãi 7.601.184 đồng. Lãi suất được tiếp tục tính từ ngày 23/4/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

* Ngày 07/5/2025, nguyên đơn có đơn thay đổi nội dung khởi kiện, trong đơn, Ngân hàng chỉ yêu cầu ông Lương Minh C có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng.

* Tại bản tự khai ngày 20/5/2025, bà Nh trình bày: Ngân hàng yêu cầu ông Lương Minh C có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 20/5/2025 là 67.070.344 đồng, gồm: Tiền gốc 57.252.148 đồng, tiền lãi 9.818.196 đồng. Lãi suất được tiếp tục tính từ ngày 21/5/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

* Tại bảng tóm tắt sao kê của Ngân hàng đối với ông Lương Minh C ngày 25/6/2025 ghi nội dung như sau: Dư nợ của ông Lương Minh C là 57.252.148 đồng, lãi 12.668.640 đồng, tổng cộng là 69.920.788 đồng.

- Bị đơn ông Lương Minh C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Mỹ H trong suốt quá trình tố tụng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 09/6/2025 và ngày 25/6/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, nhận thấy thực tế giữa Ngân hàng TMCP S và ông Lương Minh C có ký kết giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng vào ngày 27/10/2022, hạn mức cấp thẻ là 50.000.000 đồng, lãi suất 31,2%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Ngày 07/5/2025, nguyên đơn đã có đơn thay đổi nội dung khởi kiện, chỉ yêu cầu một mình ông C trả nợ, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp quy định nên chấp nhận. Ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến ngày 25/6/2025, ông C còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc 57.252.148 đồng, lãi 12.668.640 đồng, tổng cộng là 69.920.788 đồng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông C phải thanh toán tiền gốc và nợ lãi theo yêu cầu của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về sự vắng mặt của các đương sự: Người đại diện của nguyên đơn là bà Lê Thị Vân Nh có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Lương Minh C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Mỹ H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 09/6/2025 và ngày 25/6/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự có tên trên.

[2] Về nội dung khởi kiện: Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi là Ngân hàng) khởi kiện tại Tòa án, buộc ông Lương Minh C có trách nhiệm thanh toán số tiền tính đến ngày 25/6/2025 là 69.920.788 đồng, gồm: Nợ gốc 57.252.148 đồng, tiền lãi 12.668.640 đồng. Ngoài ra ông Lương Minh C còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 26/6/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng.

Tại Đơn thay đổi nội dung khởi kiện ngày 07/5/2025, Ngân hàng chỉ yêu cầu ông Lương Minh C có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng chứ không yêu cầu bà Phạm Thị Mỹ H cùng thực hiện nghĩa vụ. Đây là sự tự nguyện của Ngân hàng nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về hợp đồng ký kết:

[3.1] Ông Lương Minh C ký kết với Ngân hàng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (gọi tắt là Hợp đồng) ngày 27/10/2022, hạn mức cấp thẻ 50.000.000 đồng, lãi suất là 31,2%/năm. Trong hợp đồng, ông C có đánh dấu vào mục đã lập gia đình, phần thông tin người hôn phối điền tên bà Phạm Thị Mỹ H, tuy nhiên, chỉ có một mình ông C ký tên vào Hợp đồng. Phần thông tin cá nhân chủ thẻ chính, ghi tên Lương Minh C, ngày sinh 06/10/1982, số căn cước 060082012727, địa chỉ hộ khẩu tổ 8, khu phố 8, thị trấn Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Thông tin cá nhân này của ông C phù hợp với thông tin tại Phiếu xác minh ngày 29/4/2025 của Tòa án được Công an thị trấn Đức Tài cung cấp. Tại phần cam kết trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng có nội dung, chủ thẻ đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Sacombank; Điều khoản và

Điều kiện cùng với Giấy đề nghị này tạo thành Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa chủ thẻ và Sacombank.

[3.2] Theo bản tóm tắt sao kê, sau khi ký kết Hợp đồng, ông C đã sử dụng toàn bộ số tiền 50.000.000 đồng và đến ngày 15/11/2022, lãi suất bắt đầu phát sinh. Nhiều kỳ thanh toán tiếp theo, ông C có thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Đến ngày 15/10/2024, ông C bắt đầu không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Sau 04 kỳ liên tục ông C không thanh toán thì ngày 15/01/2025, nợ chuyển sang quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn trên số tiền gốc cộng dồn lãi là 57.252.148 đồng.

Bên cạnh đó, theo bản tóm tắt sao kê, những kỳ ông C thanh toán trễ hạn sẽ phát sinh thêm phí trễ hạn. Phí thường niên được tính mỗi năm 01 lần là 200.000 đồng. Khi tổng dư nợ cuối kỳ vượt hạn mức được cấp sẽ phát sinh thêm phí vượt hạn mức, vì vậy, phí vượt hạn mức được tính liên tục trong 04 kỳ.

[3.3] Theo nội dung Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Sacombank quy định:

- *Điều 13* (Chấm dứt sử dụng thẻ), *Khoản 13.1*. Các trường hợp chấm dứt sử dụng thẻ: chủ thẻ vi phạm các điều kiện, điều khoản phát hành và sử dụng thẻ, điều kiện cấp tín dụng thẻ hoặc bất cứ hợp đồng, cam kết, thỏa thuận nào với Sacombank; *Khoản 13.4* Sau khi việc chấm dứt sử dụng Thẻ có hiệu lực: *Điểm d)* Hợp đồng sẽ chấm dứt hiệu lực....

- *Điều 18* Trách nhiệm thanh toán của Chủ thẻ, *Khoản 18.2* Chủ thẻ có nghĩa vụ thanh toán dư nợ đầy đủ và đúng hạn theo yêu cầu của Sacombank và việc thanh toán này sẽ không bị gián đoạn bởi bất kỳ lý do gì.

- *Điều 19* Thời hạn thanh toán, *Khoản 19.1* Chủ thẻ phải thanh toán cho sacombank số tiền đến hạn hoặc số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên thông báo giao dịch.

- *Điều 23* Cách tính lãi. Lãi được tính từ ngày chủ thẻ thực hiện giao dịch cho đến hết ngày việc thanh toán được thực hiện đầy đủ.

- *Điều 24* Vi phạm, *Khoản 24.1* Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ thông báo giao dịch tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng, *Khoản 24.4* Khi vi phạm xảy ra, chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Sacombank có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau: *Điểm a)* Tạm ngưng hoặc chấm dứt sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ dư nợ. *Điểm b)* Áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của Sacombank. Sau 75 ngày kể từ ngày lập thông báo giao dịch hoặc sau 03 (ba) kỳ thông báo giao dịch liên tiếp, nếu chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán ít hơn số tiền tối thiểu, sacombank sẽ chấm dứt việc sử dụng thẻ của Chủ thẻ.

- Ngoài ra, tại *Điều 25* còn quy định về các loại phí gồm phí thường niên, phí phát hành thẻ, phí chậm thanh toán và phí vượt hạn mức...

Căn cứ vào các quy định trên, ông Lương Minh C đã vi phạm trách nhiệm thanh toán, thời hạn thanh toán, từ đó, hợp đồng đã chấm dứt hiệu lực. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông Lương Minh C phải thanh toán nợ là phù hợp với nội dung hợp đồng ký kết, có cơ sở chấp nhận.

[3.4] Về lãi suất: Theo nội dung Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Sacombank, quy định về lãi suất:

- Giải thích thuật ngữ *Khoản 1.24*, lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn.

- *Điều 23* Cách tính lãi. Lãi được tính từ ngày chủ thẻ thực hiện giao dịch cho đến hết ngày việc thanh toán được thực hiện đầy đủ.

- *Điều 24* Vi phạm, *Khoản 24.1* Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ thông báo giao dịch tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng, *Khoản 24.4* Khi vi phạm xảy ra, chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Sacombank có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau: *Điểm b)* Áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của Sacombank. Sau 75 ngày kể từ ngày lập thông báo giao dịch hoặc sau 03 (ba) kỳ thông báo giao dịch liên tiếp, nếu chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán ít hơn số tiền tối thiểu, Sacombank sẽ chấm dứt việc sử dụng thẻ của Chủ thẻ.

Lãi suất tại thời điểm ký kết Hợp đồng là 31,2%/năm, lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Ông C vi phạm nghĩa vụ trả tiền từ ngày 15/01/2025, do đó lãi quá hạn sẽ được tính từ ngày 16/01/2025. Vì vậy, việc Ngân hàng yêu cầu tính lãi, áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ dư nợ tính từ thời điểm vi phạm là phù hợp. Ngân hàng yêu cầu ông Lương Minh C phải thanh toán tiền lãi tính đến ngày 25/6/2025 là 12.668.640 đồng (Mười hai triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi đồng).

Ngoài ra, ông Lương Minh C còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 26/6/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lương Minh C phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ vào Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với ông Lương Minh C về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Lương Minh C thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 27/10/2022 (kèm điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Sacombank) là 69.920.788 đồng (Sáu mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn bảy trăm tám mươi tám đồng), gồm: Nợ gốc 57.252.148 đồng (Năm mươi bảy triệu hai trăm năm mươi hai nghìn một trăm bốn mươi tám đồng), tiền lãi tính đến ngày 25/6/2025 là 12.668.640 đồng (Mười hai triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi đồng).

Tiền lãi đối với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 27/10/2022 được tiếp tục tính kể từ ngày 26/6/2025 cho đến khi ông Lương Minh C trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lương Minh C phải chịu 3.496.000 đồng (Ba triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.545.000 đồng (Một triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005336 ngày 03/4/2025 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đức Linh.

3. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND huyện Đức Linh (1);
- CC THADS huyện Đức Linh (1);
- TAND tỉnh Bình Thuận (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung